

Số: **39/6** /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **07** tháng **11** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục các công trình cấp nước sạch nông thôn kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung “Đề án cấp nước sạch nông thôn tỉnh Đồng Nai năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 4019/SKHĐT-KTN ngày 12/10/2018;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục các công trình cấp nước sạch nông thôn kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025 (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

- Giai đoạn 2016 - 2020: Tổng số là 38 công trình, tổng công suất thiết kế khoảng 74.000 m³/ngđ, tổng kinh phí thực hiện khoảng 1.385.077 triệu đồng (trong đó: Vốn ngân sách khoảng 277.015 triệu đồng, vốn xã hội hóa khoảng 1.108.062 triệu đồng).

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tổng số là 15 công trình, tổng công suất thiết kế khoảng 18.400 m³/ngđ, tổng kinh phí thực hiện khoảng 307.100 triệu đồng (trong đó: Vốn ngân sách khoảng 61.420 triệu đồng, vốn xã hội hóa khoảng 245.680 triệu đồng).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

1. Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa căn cứ danh mục tại Quyết định nêu trên để thu hút mời gọi doanh nghiệp đầu tư.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông công bố công khai nội dung Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa công bố trên trang thông tin điện tử của các đơn vị.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu VT, CNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh

Phụ lục I

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN KÊU GỌI
ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2020**

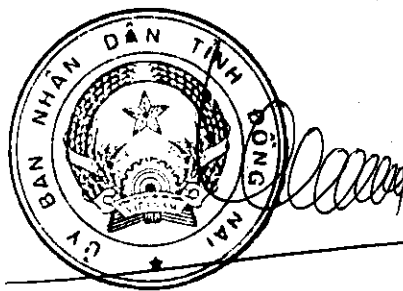
(Kèm theo Quyết định số 3916 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Tên công trình	Địa điểm XD	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Nguồn vốn (Triệu đồng)			Ghi chú
				Tổng	Vốn ngân sách	Vốn doanh nghiệp tham gia XHH	
	TỔNG		74.000	1.385.077	277.015	1.108.062	
I	HUYỆN CẨM MỸ		12.500	275.874	55.175	220.699	
1	Xây dựng hệ cấp nước liên xã Lâm San - Sông Ray - Xuân Đông - Xuân Tây (giai đoạn 1)	Lâm San	7.000	140.936	28.187	112.749	
2	Xây dựng hệ thống CNTT xã Long Giao	TT Long Giao	2.000	40.000	8.000	32.000	
3	Xây dựng hệ thống CNTT xã Xuân Bảo - Bảo Bình	Xuân Bảo	1.000	44.938	8.988	35.950	
4	Xây dựng hệ thống CNTT xã Xuân Đường	Xuân Đường	1.500	30.000	6.000	24.000	
5	Xây dựng hệ thống CNTT xã Xuân Quế	Xuân Quế	1.000	20.000	4.000	16.000	
II	HUYỆN ĐỊNH QUÁN		4.500	90.000	18.000	72.000	
1	Mở rộng hệ thống CNTT sinh hoạt xã Phú Túc cấp nước cho ấp Tam Bung, ấp Tân Lập	Phú Túc	1.500	30.000	6.000	24.000	
2	Xây dựng hệ thống CNTT TT Định Quán - xã Gia Canh	Gia Canh	3.000	60.000	12.000	48.000	
III	HUYỆN LONG THÀNH		1.600	41.864	8.373	33.491	
1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống CNTT xã Bình Sơn	Bình Sơn	800	21.858	4.372	17.486	
2	Xây dựng hệ thống CNTT xã Lộc An	Lộc An	300	5.374	1.075	4.299	
3	Nâng cấp, mở hệ thống CNTT xã Bình An	Bình An	500	14.632	2.926	11.706	
IV	HUYỆN NHƠN TRẠCH		13.900	220.482	44.096	176.386	

1	Nâng cấp, mở rộng hệ thống CNTT liên xã Đại Phước - Phú Hữu	Đại Phước	3.000	71.720	14.344	57.376	
2	Nâng cấp, mở rộng hệ thống CNTT xã Phước Khánh	Phước Khánh	1.500	19.500	3.900	15.600	
3	Nâng cấp, mở rộng hệ thống CNTT xã Phú Đông	Phú Đông	1.500	19.500	3.900	15.600	
4	Mở rộng đầu nối đường ống cấp nước cho xã Phước Thiện	Phước Thiện	900	18.762	3.752	15.010	
5	Mở rộng đầu nối đường ống cấp nước cho xã Phú Hội, Long Tân, Phú Thạnh	Phú Hội	7.000	91.000	18.200	72.800	
V	HUYỆN TÂN PHÚ		5.500	90.721	18.144	72.577	
1	Xây dựng hệ thống CNTT liên xã Núi Tượng - Phú Lập - Tà Lài	Núi Tượng	2.500	44.938	8.988	35.950	
2	Xây dựng hệ thống CNTT xã Phú Sơn	Phú Sơn	2.000	40.000	8.000	32.000	
3	Xây dựng hệ thống CNTT Xã Phú Trung	Phú Trung	1.000	5.783	1.157	4.626	
VI	HUYỆN THỐNG NHẤT		3.000	60.000	12.000	48.000	
1	Xây dựng hệ thống CNTT tại UBND xã Xuân Thiện	Xuân Thiện	1.500	30.000	6.000	24.000	
2	Xây dựng hệ thống CNTT ấp Hưng Nghĩa, xã Hưng Lộc	Hưng Lộc	1.500	30.000	6.000	24.000	
VII	HUYỆN TRẢNG BOM		11.000	227.406	45.481	181.925	
1	Xây dựng hệ thống CNTT liên xã Thanh Bình - Cây Gáo (giai đoạn 1)	Thanh Bình	3.000	67.406	13.481	53.925	
2	Xây dựng hệ thống CNTT xã Đông Hòa	Đông Hòa	2.000	40.000	8.000	32.000	
3	Xây dựng hệ thống CNTT xã Tây Hòa	Tây Hòa	2.000	40.000	8.000	32.000	
4	Xây dựng hệ thống CNTT xã Trung Hòa	Trung Hòa	2.000	40.000	8.000	32.000	
5	Xây dựng hệ thống CNTT xã An Viễn	An Viễn	2.000	40.000	8.000	32.000	
VIII	HUYỆN VĨNH CỬU		10.500	210.880	42.176	168.704	
1	Xây dựng hệ thống CNTT liên xã Tân An - Vĩnh Tân	Tân An	4.000	80.880	16.176	64.704	
2	Xây dựng hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu tại xã Thiện Tân cung cấp cho các xã Thạnh Phú, Bình Lợi, Tân Bình, Bình Hòa (giai đoạn 1)	Thiện Tân	6.500	130.000	26.000	104.000	
IX	HUYỆN XUÂN LỘC		9.500	133.850	26.770	107.080	

1	Xây dựng hệ thống CNTT xã Xuân Thọ	Xuân Thọ	3.000	20.000	4.000	16.000	
2	Xây dựng hệ thống CNTT liên xã Suối Nho - Xuân Bắc - Suối Cao	Suối Cao	4.500	87.850	17.570	70.280	
3	Xây dựng hệ thống CNTT xã Xuân Định	Xuân Định	2.000	26.000	5.200	20.800	
X	THỊ XÃ LONG KHÁNH		2.000	34.000	6.800	27.200	
1	Xây dựng hệ thống CNTT ấp Cáp Rang, xã Suối Tre	Suối Tre	500	8.500	1.700	6.800	
2	Xây dựng hệ thống CNTT xã Bàu Trâm	Bàu Trâm	500	8.500	1.700	6.800	
3	Xây dựng hệ thống CNTT ấp Nông Doanh, xã Xuân Tân	Xuân Tân	100	1.700	340	1.360	
4	Xây dựng hệ thống CNTT ấp Ruộng Lớn, xã Bảo Vinh	Bảo Vinh	100	1.700	340	1.360	
5	Xây dựng hệ thống CNTT ấp Lác Chiêu, xã Bảo Quang	Bảo Quang	100	1.700	340	1.360	
6	Xây dựng hệ thống CNTT từ hồ chứa nước Cầu Dầu cấp cho xã Hàng Gòn	Hàng Gòn	500	8.500	1.700	6.800	
7	Xây dựng hệ thống CNTT ấp Thọ An, xã Bảo Quang	Bảo Quang	100	1.700	340	1.360	
8	Xây dựng hệ thống CNTT ấp Ruộng Tre, xã Bảo Quang	Bảo Quang	100	1.700	340	1.360	

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh

Phụ lục II

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN KÊU GỌI
ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 3916 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Tên Công Trình	Địa điểm XD	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Nguồn vốn (Triệu đồng)			Ghi chú
				Tổng	Vốn ngân sách	Vốn doanh nghiệp tham gia XHH	
	TỔNG		18.400	307.100	61.420	245.680	
I	HUYỆN CẨM MỸ		2.800	47.600	9.520	38.080	
1	Xây dựng hệ thống CNTT xã Thừa Đức	Thừa Đức	1.300	22.100	4.420	17.680	
2	Xây dựng hệ thống CNTT xã Bảo Bình	Bảo Bình	1.500	25.500	5.100	20.400	
II	HUYỆN ĐỊNH QUÁN		2.500	36.500	7.300	29.200	
1	Xây dựng hệ thống CNTT xã Phú Tân	Phú Tân	1.500	19.500	3.900	15.600	
2	Xây dựng hệ thống CNTT ấp 5, xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	1.000	17.000	3.400	13.600	
III	HUYỆN LONG THÀNH		8.000	136.000	27.200	108.800	
1	Xây dựng hệ thống CNTT xã An Phước	An Phước	1.500	25.500	5.100	20.400	
2	Xây dựng hệ thống CNTT xã Long Đức	Long Đức	1.000	17.000	3.400	13.600	
3	Xây dựng hệ thống CNTT xã Tam An	Tam An	1.000	17.000	3.400	13.600	
4	Xây dựng hệ thống CNTT xã Suối Trầu	Suối Trầu	1.500	25.500	5.100	20.400	
5	Xây dựng hệ thống CNTT xã Cẩm Đường	Cẩm Đường	2.000	34.000	6.800	27.200	
6	Xây dựng hệ thống CNTT xã Bình An	Bình An	1.000	17.000	3.400	13.600	
IV	HUYỆN NHƠN TRẠCH		1.000	17.000	3.400	13.600	
1	Xây dựng hệ thống CNTT cấp nước một phần xã Phước Khánh và xã Phước An	Vĩnh Thanh	1.000	17.000	3.400	13.600	

V	HUYỆN TÂN PHÚ		800	16.000	3.200	12.800	
1	Xây dựng hệ thống CNTT xã DakLua	DarkLua	800	16.000	3.200	12.800	
VI	HUYỆN TRẢNG BOM		3.000	47.000	9.400	37.600	
1	Xây dựng hệ thống CNTT liên xã Thanh Bình - Cây Gáo (giai đoạn 2)	Thanh Bình	1.000	13.000	2.600	10.400	
2	Xây dựng hệ thống CNTT xã Hưng Thịnh	Hưng Thịnh	2.000	34.000	6.800	27.200	
VII	HUYỆN VĨNH CỬU		300	7.000	1.400	5.600	
1	Xây dựng hệ thống CNTT xã Bình Hòa	Bình Hòa	300	7.000	1.400	5.600	

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh